

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN MPT**

---***---

Số: 16/2026/CBTT-MPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT**

- Mã chứng khoán: **MPT**
- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0978998254
- E-mail: mpt397979@gmail.com
- Website: <http://mptgroup.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần tập đoàn MPT công bố: *Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 và Công văn giải trình lợi nhuận sau thuế và lý do từ chối cho ý kiến của kiểm toán viên*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/08/2026 tại đường dẫn: <http://mptgroup.com.vn/bao-cai-tai-chinh.htm>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên 2026 đã được soát xét phát hành ngày 12/08/2026
- Công văn giải trình LNST và lý do từ chối cho ý kiến kiểm toán

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MPT

Người được UQ CBTT

Phó TGĐ



LƯU QUANG MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MPT

Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT (sau đây viết tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiên, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008, sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPT GROUP JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán: MPT. Cổ phiếu MPT đang thuộc diện bị duy trì hạn chế giao dịch theo Quyết định số 795/QĐ-SGDHN ngày 22/06/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu hạn chế giao dịch: 17.107.164 cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thanh Tứ	Thành viên
Ông Lưu Quang Minh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Cao Tiến Thành	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Bá Thắng	Thành viên
Bà Trần Thị Thùy Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Việt Lân

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Số: 145/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:****Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT, được lập ngày 12/8/2026, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.7 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2026, số dư của toàn bộ hàng tồn kho có giá gốc là 36.995.516.576 VND (tại ngày 01/01/2026: 36.995.516.576 VND). Bằng các thủ tục soát xét chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và giá trị thuần có thể thực hiện được của số hàng tồn kho này tại ngày 30/6/2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/6/2026, số dư các khoản công nợ phải thu (Mã số 131, 132, 135) chưa được đối chiếu, xác nhận là: 118,97 tỷ VND (tại ngày 01/01/2026 là: 119,17 tỷ VND), số dư các khoản đầu tư tài chính (Mã số 123, 263) chưa được đối chiếu, xác nhận là: 37,2 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2026 là 37,2 tỷ VND); số dư các khoản công nợ phải trả (Mã số 311, 312) chưa được đối chiếu, xác nhận là: 7,96 tỷ VND (tại 01/01/2026: 7,96 tỷ VND). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét nhưng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác minh tính hiện hữu các khoản công nợ phải thu, phải trả, đầu tư tài chính này và các khoản dự phòng cần trích lập theo quy định. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Công ty không hoạt động sản xuất kinh doanh, không phát sinh doanh thu trong kỳ, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu đã quá hạn thu hồi, tiềm ẩn rủi ro khó đòi nêu trên và giá trị hàng tồn kho chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được với tổng giá trị 165 tỷ VND chiếm 93,37% so với tổng giá trị tài sản và 99,52% so với Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 30/6/2026, dẫn đến Công ty bị thiếu hụt đáng kể vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc Công ty có thu hồi được các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và nợ phải thu nêu trên hay không. Bằng các thủ tục soát xét, chúng tôi không thể xác định được liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		165.084.532.663	165.282.974.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	54.207.484	44.927.247
1. Tiền	111		54.207.484	44.927.247
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.738.574.000	25.738.574.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5.2	25.738.574.000	25.738.574.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.971.561.735	119.184.449.057
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.347.577.296	14.461.341.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.366.469.850	5.465.592.502
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	100.135.313.408	100.135.313.408
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(877.798.819)	(877.798.819)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	20.288.454.566	20.288.454.566
1. Hàng tồn kho	141		36.995.516.576	36.995.516.576
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(16.707.062.010)	(16.707.062.010)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		31.734.878	26.569.306
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		31.734.878	26.569.306
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260+270)	200		11.637.374.289	11.698.237.455
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		166.064.589	224.564.589
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	166.064.589	224.564.589
- Nguyên giá	222		1.201.400.000	1.201.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.035.335.411)	(976.835.411)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		11.464.425.714	11.464.425.714
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	5.10	11.464.425.714	11.464.425.714
VII. Tài sản dài hạn khác	270		6.883.986	9.247.152
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	6.883.986	9.247.152
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		176.721.906.952	176.981.211.631

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10.928.043.028	10.853.342.137
I. Nợ ngắn hạn	310		10.928.043.028	10.853.342.137
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	7.436.737.594	7.436.737.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	524.652.349	524.652.349
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	1.932.875.094	1.868.339.403
5. Phải trả người lao động	315		25.090.450	16.090.450
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.14	27.409.612	26.244.412
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		981.277.929	981.277.929
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	165.793.863.924	166.127.869.494
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		171.071.640.000	171.071.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		171.071.640.000	171.071.640.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.440.331.934)	(6.106.326.364)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(6.106.326.364)	(5.386.978.716)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(334.005.570)	(719.347.648)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		176.721.906.952	176.981.211.631

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-	-
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.1	17.943	22.854
8. Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.2	210.987.822	178.449.235
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		(210.969.879)	(178.426.381)
12. Thu nhập khác	31	6.3	-	-
13. Chi phí khác	32	6.3	123.035.691	157.006.234
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.3	(123.035.691)	(157.006.234)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(334.005.570)	(335.432.615)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.4	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(334.005.570)	(335.432.615)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.5	(20)	(20)

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(334.005.570)	(335.432.615)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		58.500.000	58.500.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	(22.854)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(275.505.570)	(276.955.469)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		207.721.750	170.566.604
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		74.700.891	102.778.936
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		2.363.166	2.625.586
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.280.237	(984.343)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	22.854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	22.854
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		9.280.237	(961.489)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	44.927.247	50.144.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	54.207.484	49.182.577

Người lập biểu



Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng



Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT được đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, tiền thân là Công ty Cổ phần May Phú Thành, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2008, sửa đổi bổ sung các lần và sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPT GROUP JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung lần thứ 15 ngày 15/10/2021: 171.071.640.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán: MPT. Cổ phiếu MPT đang thuộc diện bị duy trì hạn chế giao dịch theo Quyết định số 795/QĐ-SGDHN ngày 22/06/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Số lượng cổ phiếu hạn chế giao dịch: 17.107.164 cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 05 người (tại ngày 31/12/2025 là 05 người).

1.2 Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc, kinh doanh buôn bán xăng dầu, môi giới, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường tủ, bàn ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Không phát sinh hoạt động kinh doanh.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Từ năm tài chính 2020, Công ty đã tạm dừng các hoạt động kinh doanh chính như: Sản xuất quần áo, bít tất ...Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty tập trung vào hoạt động kinh doanh thương mại và từng bước điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phát triển đội ngũ nhân sự để chuyển đổi ngành nghề kinh doanh định hướng tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực bất động sản cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại trong và ngoài nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư số 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm 30/06/2026, đối với các khoản nợ phải thu nêu tại các Thuyết minh số 5.2, 5.3, 5.4 và 5.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, mặc dù được đánh giá khó có khả năng thu hồi nhưng Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi. Bên cạnh việc tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức, nhân sự, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tích cực tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển nhượng hàng tồn kho và tài sản cố định không còn phù hợp với định hướng kinh doanh để bổ sung vốn lưu động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 trên cơ sở hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của các sự kiện nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trên cơ sở các Hợp đồng/khế ước nhận nợ giữa các bên và không được giao dịch mua, bán trên thị trường chứng khoán. Thu nhập từ tiền lãi cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư góp vốn khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí chờ phân bổ: Được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ vào thời gian phân bổ của từng khoản mục chi phí.

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 15% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thương mại và hoạt động trong khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam do đó Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không cần thiết phải trình bày Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	1.563.520	1.676.198
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	52.643.964	43.251.049
Cộng	54.207.484	44.927.247

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính	29.512.341	20.119.426
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	5.393.885	5.393.885
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	11.500.344	11.500.344
Các ngân hàng khác	6.237.394	6.237.394
Cộng	52.643.964	43.251.049

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026			01/01/2026 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi dự phòng		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi dự phòng	
Ngắn hạn	25.738.574.000			25.738.574.000		
Cho vay	25.738.574.000			25.738.574.000		
Ông Nguyễn Văn Sáng	25.738.574.000	(*)	(*)	25.738.574.000	(*)	(*)
- Gốc vay	24.500.000.000			24.500.000.000		
- Lãi vay	1.238.574.000			1.238.574.000		
Cộng	25.738.574.000			25.738.574.000		

Chi tiết các khoản cho vay Ông Nguyễn Văn Sáng như sau:

- Hợp đồng vay số 02/2019/HĐTV ngày 29/6/2019, số tiền: 7.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, đã được gia hạn đến 31/12/2020.
- Hợp đồng vay số 01/2020/HĐTV ngày 01/04/2020, số tiền: 17.000.000.000 đồng, thời hạn vay đến 31/12/2020.
- Các khoản vay trên không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11% năm.

Đến nay, 02 Hợp đồng cho vay đã hết thời gian gia hạn và chưa được ký lại.

- (*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi khoản nợ gốc và lãi cho vay nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	14.347.577.296	(877.798.819)	14.461.341.966	(877.798.819)
Công ty Cổ phần Dệt may Hưng Việt	2.633.131.989	-	2.633.131.989	-
Công ty Cổ phần May Hùng Đông	1.901.396.714	-	1.901.396.714	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc Tế Alena Việt Nam	1.801.976.417	-	1.801.976.417	-
Công ty TNHH Thương mại Xăng Dầu Đại Việt	1.697.470.000	-	1.697.470.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.313.602.176	(877.798.819)	6.427.366.846	(877.798.819)
Cộng	14.347.577.296	(877.798.819)	14.461.341.966	(877.798.819)

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu với giá trị: 13.469.778.477 VND (tại ngày 01/01/2026 là: 13.572.643.776 VND).

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	5.366.469.850	-	5.465.592.502	-
Công ty Kiến trúc Công trình	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất KTT - An Nguyễn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Bà Đỗ Thị Phụng	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	866.469.850	-	965.592.502	-
Cộng	5.366.469.850	-	5.465.592.502	-

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được khả năng thu hồi của khoản trả trước cho người bán: 5.366.469.850 VND (tại ngày 01/01/2026 là: 5.465.592.502 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	100.135.313.408	-	100.135.313.408	-
Phải thu khác	100.135.313.408	-	100.135.313.408	-
- <i>Tạm ứng (1)</i>	28.000.000.000	-	28.000.000.000	-
- <i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hướng Dương (2)</i>	44.400.000.000	-	44.400.000.000	-
- <i>Bà Lê Thị Thu Hiền (3)</i>	15.147.000.000	-	15.147.000.000	-
- <i>Công ty CP Địa ốc Trường Tiền Land (4)</i>	9.068.917.000	-	9.068.917.000	-
- <i>Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô</i>	592.500.000	-	592.500.000	-
- <i>Tài sản thiếu chờ xử lý (5)</i>	2.926.787.934	-	2.926.787.934	-
- <i>Phải thu khác</i>	108.474	-	108.474	-
Cộng	100.135.313.408	-	100.135.313.408	-

- (1) Khoản tạm ứng cho bà Hoàng Thị Linh và ông Quách Ngọc Sơn nhân viên cũ của Công ty để thực hiện công việc kinh doanh theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 26/4/2020.
- (2) Đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hướng Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2018/HĐCN ngày 30/11/2018. Bên chuyển nhượng: Ông Đoàn Quang Anh, Ông Hoàng Văn Thông và Bà Nguyễn Thị Yêu, bên nhận chuyển nhượng là Công ty CP May Phú Thành, nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT. Giá trị chuyển nhượng làm tròn: 125 tỷ đồng (990.000 cổ phần x 126.263 đồng/cổ phần). Đến ngày 30/6/2026, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần vẫn chưa được các bên thực hiện theo thỏa thuận.
- (3) Phải thu về việc chuyển nhượng cho bà Hiền cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô. Số cổ phần chuyển nhượng: 336.600 cổ phần, giá chuyển nhượng: 45.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng: 15.147 tỷ đồng.
- (4) Phải thu về giá trị còn lại chưa được Công ty Cổ phần Địa Ốc Trường Tiền Land thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng 1.346.600 cổ phần Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô.
- (5) Giá trị tiền mặt thiếu theo kết quả kiểm kê ngày 31/12/2020.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi là: 100.135.313.408 VND (Tại ngày 01/01/2026: 100.135.313.408 VND).

5.6 Nợ xấu

	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Giá trị nợ gốc	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi		Giá trị nợ gốc	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu khách hàng								
Công ty TNHH Trường Thọ Phát	118.898.819	> 3 năm	(118.898.819)	-	118.898.819	> 3 năm	(118.898.819)	-
Công ty TNHH Vải Giấy Thanh Cường	758.900.000	> 3 năm	(758.900.000)	-	758.900.000	> 3 năm	(758.900.000)	-
Cộng	877.798.819		(877.798.819)	-	877.798.819		(877.798.819)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.182.221.772	(3.091.110.953)	6.182.221.772	(3.091.110.953)
Công cụ, dụng cụ	492.576.549	(246.288.274)	492.576.549	(246.288.274)
Sản phẩm	11.812.303.262	(5.906.151.631)	11.812.303.262	(5.906.151.631)
Hàng hóa	18.508.414.993	(7.463.511.152)	18.508.414.993	(7.463.511.152)
Cộng	36.995.516.576	(16.707.062.010)	36.995.516.576	(16.707.062.010)

Công ty đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống (sản xuất quần áo, bút tất ...) để nghiên cứu chuyển đổi ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển mới. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa xác định được đầy đủ tính hiện hữu và đánh giá lại giá trị thuần có thể thực hiện được (nếu có) đối với lượng hàng tồn kho nêu trên.

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Dài hạn	6.883.986	9.247.152
Chi phí chờ phân bổ khác	6.883.986	9.247.152
Cộng	6.883.986	9.247.152

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2026	31.400.000	1.170.000.000	1.201.400.000
Số dư tại 30/06/2026	31.400.000	1.170.000.000	1.201.400.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2026	31.400.000	945.435.411	976.835.411
Khấu hao trong kỳ	-	58.500.000	58.500.000
Số dư tại 30/06/2026	31.400.000	1.003.935.411	1.035.335.411
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2026	-	224.564.589	224.564.589
Tại 30/06/2026	-	166.064.589	166.064.589

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 31.400.000 VND (tại ngày 01/01/2026 là 31.400.000 VND).

Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Máy móc, thiết bị						
Máy dệt khăn GA 787-230CM (09 cái)	1.170.000.000	1.003.935.411	166.064.589	1.170.000.000	945.435.411	224.564.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.10 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			11.464.425.714			11.464.425.714		
Công ty Cổ phần								
Dệt may Phú Vĩnh Hưng	13,38%	13,38%	11.464.425.714	(*)	(*)	11.464.425.714	(*)	(*)
Cộng			11.464.425.714			11.464.425.714		

Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng (Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, thành phố Hà Nội) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2004, sửa đổi bổ sung lần thứ 09 ngày 13/12/2019. Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, kinh doanh hàng dệt kim: tất, quần áo ... Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng: 80.000.000.000 VND, được chia thành 8.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 VND.

Số cổ phần MPT sở hữu tại thời điểm 30/06/2026 là 1.070.000 cổ phần tương ứng với 13,38% Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng, tỷ lệ quyền biểu quyết: 13,38%.

Công ty chưa đánh giá được giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, do đó giá trị đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được khả năng thu hồi khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nêu trên.

5.11 Phải trả người bán

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	7.436.737.594	7.436.737.594
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dầu khí Minh Trí	4.542.228.600	4.542.228.600
Đối tượng khác	2.894.508.994	2.894.508.994
Cộng	7.436.737.594	7.436.737.594

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được tính hiện hữu của các khoản phải trả người bán với giá trị: 7.436.737.594 VND (tại ngày 01/01/2026 là: 7.436.737.594 VND). Tất cả các khoản phải trả người bán đều đã quá hạn thanh toán.

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	524.652.349	524.652.349
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	319.066.801	319.066.801
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phương Mai	192.071.831	192.071.831
Đối tượng khác	13.513.717	13.513.717
Cộng	524.652.349	524.652.349

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa xác định được tính hiện hữu của các khoản người mua trả tiền trước với giá trị: 524.652.349 VND (tại ngày 01/01/2026 là 524.652.349 VND). Tất cả các khoản người mua trả tiền trước đều đã quá hạn thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	<i>Đơn vị tính: VND</i> 30/6/2026
Phải nộp	1.868.339.403	64.535.691	-	1.932.875.094
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.868.339.403</i>	<i>64.535.691</i>	<i>-</i>	<i>1.932.875.094</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	883.638.536	-	-	883.638.536
Thuế thu nhập cá nhân	4.388.312	-	-	4.388.312
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	980.312.555	64.535.691	-	1.044.848.246

5.14 Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	27.409.612	26.244.412
Kinh phí công đoàn	9.695.400	8.530.200
Bảo hiểm xã hội	108.474	108.474
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.605.738	17.605.738
Cộng	27.409.612	26.244.412

5.15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Số dư tại 01/01/2025	171.071.640.000	1.162.555.858	(5.386.978.716)	166.847.217.142
Lỗi trong năm trước	-	-	(719.347.648)	(719.347.648)
Số dư tại 01/01/2026	171.071.640.000	1.162.555.858	(6.106.326.364)	166.127.869.494
Lỗi trong kỳ này	-	-	(334.005.570)	(334.005.570)
Số dư tại 30/06/2026	171.071.640.000	1.162.555.858	(6.440.331.934)	165.793.863.924

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ông Tạ Hữu Khôi	21.000.000.000	22.100.000.000
Bà Nguyễn Thị Dậu	17.108.000.000	17.108.000.000
Các cổ đông khác	132.963.640.000	131.863.640.000
Cộng	171.071.640.000	171.071.640.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	171.071.640.000	171.071.640.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	171.071.640.000	171.071.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

Khoản mục	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.107.164	17.107.164
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.107.164	17.107.164
Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.107.164	17.107.164
Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.943	22.854
Cộng	17.943	22.854

6.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	210.987.822	178.449.235
Chi phí nhân viên quản lý	142.833.828	173.274.294
Thuế phí và lệ phí	375.100	1.631.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.415.728	917.955
Các khoản chi phí khác bằng tiền	2.363.166	2.625.586
Cộng	210.987.822	178.449.235

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.3 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	123.035.691	157.006.234
Tiền thuế chậm nộp, phạt hành chính	64.535.691	98.506.234
Khấu hao TSCĐ do dừng sản xuất	58.500.000	58.500.000
Lợi nhuận khác	(123.035.691)	(157.006.234)

6.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(334.005.570)	(335.432.615)
Điều chỉnh	123.035.691	157.006.234
Chi phí không được trừ	123.035.691	157.006.234
Thu nhập chịu thuế	(210.969.879)	(178.426.381)
Thuế suất	15%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.5 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(334.005.570)	(335.432.615)
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	(334.005.570)	(335.432.615)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	17.107.164	17.107.164
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(20)	(20)

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nhân công	142.833.828	173.274.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.500.000	58.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.415.728	917.955
Chi phí khác bằng tiền	2.738.266	2.625.586
Cộng	269.487.822	235.317.835

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Tạ Hữu Khôi	Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Dậu	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt...	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan như sau:

Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Thanh Tứ	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lưu Quang Minh	Thành viên HĐQT	-	-
Tổng		-	-
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ông Cao Tiến Thành	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Bá Thắng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Trần Thị Thùy Linh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Tổng		-	-
Tiền lương, thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc			
Ông Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc	-	-
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	-	59.934.897
Tổng		-	59.934.897

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các Thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh có liên quan là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Một số khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026 đã được trình bày lại để phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 99 như sau:

Khoản mục	31/12/2025 Đã trình bày VND	01/01/2026 Trình bày lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
TÀI SẢN				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn				
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	-	25.738.574.000	25.738.574.000	(i)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	24.500.000.000	-	(24.500.000.000)	(i)
5. Phải thu ngắn hạn khác	101.373.887.408	100.135.313.408	(1.238.574.000)	(i)

(i) Phân loại lại số dư khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn” và khoản lãi phải thu về cho vay ở khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” về khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn” theo hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC.

Người lập biểu

Lâm Tăng Quảng

Kế toán trưởng

Lâm Tăng Quảng

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026
Tổng Giám đốc



Hoàng Việt Lân